

Số: 1273/QĐ-UBND

Thanh Liệt, ngày 24 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận kết quả và xếp giải học sinh giỏi lớp 9 cấp Phường  
năm học 2025- 2026**

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THANH LIỆT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Kế hoạch 4526/KH-SGDĐT ngày 30/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi Thành phố các môn văn hóa lớp 9 cấp trung học cơ sở năm học 2025-2026;*

*Căn cứ Kế hoạch 117/KH-UBND ngày 07/11/2025 của UBND phường Thanh Liệt về việc tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi phường Thanh Liệt các môn văn hóa lớp 9 cấp trung học cơ sở năm học 2025-2026;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội phường Thanh Liệt.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả và xếp giải học sinh giỏi lớp 9 phường Thanh Liệt năm học 2025-2026 (có danh sách và bảng điểm chuẩn xếp giải đính kèm).

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân Phường cấp Giấy chứng nhận cho các học sinh đạt giải và các học sinh tham gia Kỳ thi học sinh giỏi lớp 9 cấp Phường năm học 2025-2026. Kinh phí in ấn Giấy chứng nhận được chi trong nguồn ngân sách của UBND Phường giao cho phòng Văn hóa - Xã hội năm 2025 và thực hiện chi theo các văn bản quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND Phường; Trưởng các phòng: Văn hoá - Xã hội, Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *HN*

- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng uỷ, HĐND Phường;
- Chủ tịch UBND Phường;
- Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Anh Tuấn*  
**Nguyễn Anh Tuấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG THANH LIỆT**



**BẢNG ĐIỂM CHUẨN**

**Xếp giải học sinh giỏi lớp 9 cấp Phường năm học 2025-2026**  
(kèm theo Quyết định số: 1273 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2025  
của UBND phường Thanh Liệt)

| TT | MÔN                  | GIẢI                    |                        |                       |                                 |
|----|----------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|
|    |                      | Khung điểm<br>Giải Nhất | Khung điểm<br>Giải Nhì | Khung điểm<br>Giải Ba | Khung điểm<br>Giải Khuyến khích |
| 1  | Toán                 | 16,0 - 20,0             | 14,0 - 15,99           | 12,0 - 13,99          | 10,0 - 11,99                    |
| 2  | Ngữ văn              | 16,0 - 20,0             | 14,0 - 15,99           | 12,0 - 13,99          | 10,0 - 11,99                    |
| 3  | Tiếng Anh            | 16,0 - 20,0             | 14,0 - 15,99           | 12,0 - 13,99          | 10,0 - 11,99                    |
| 4  | Địa                  | 16,0 - 20,0             | 14,0 - 15,99           | 12,0 - 13,99          | 10,0 - 11,99                    |
| 5  | Lịch sử              | 16,0 - 20,0             | 14,0 - 15,99           | 12,0 - 13,99          | 10,0 - 11,99                    |
| 6  | GDCD                 | 16,0 - 20,0             | 14,0 - 15,99           | 12,0 - 13,99          | 10,0 - 11,99                    |
| 7  | KHTN (Vật sống)      | 16,0 - 20,0             | 14,0 - 15,99           | 12,0 - 13,99          | 10,0 - 11,99                    |
| 8  | KHTN (Biến đổi chất) | 16,0 - 20,0             | 14,0 - 15,99           | 12,0 - 13,99          | 10,0 - 11,99                    |
| 9  | KHTN (Biến đổi NL)   | 16,0 - 20,0             | 14,0 - 15,99           | 12,0 - 13,99          | 10,0 - 11,99                    |
| 10 | Tin học              | 16,0 - 20,0             | 14,0 - 15,99           | 12,0 - 13,99          | 10,0 - 11,99                    |

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG THANH LIỆT**



**BẢNG TỔNG HỢP**

**Xếp giải học sinh giỏi lớp 9 cấp Phường năm học 2025-2026**  
(kèm theo Quyết định số: 1273 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2025  
của UBND phường Thanh Liệt)

| STT         | MÔN                  | Số lượng giải |           |           |            |
|-------------|----------------------|---------------|-----------|-----------|------------|
|             |                      | Nhất          | Nhì       | Ba        | KK         |
| 1           | Toán                 | 0             | 3         | 13        | 11         |
| 2           | Ngữ văn              | 0             | 4         | 12        | 30         |
| 3           | Tiếng Anh            | 2             | 12        | 23        | 13         |
| 4           | Địa                  | 0             | 2         | 5         | 11         |
| 5           | Lịch sử              | 2             | 4         | 2         | 5          |
| 6           | GDCD                 | 0             | 0         | 7         | 15         |
| 7           | KHTN (Vật sống)      | 0             | 1         | 2         | 7          |
| 8           | KHTN (Biến đổi chất) | 0             | 1         | 2         | 2          |
| 9           | KHTN (Biến đổi NL)   | 3             | 2         | 2         | 3          |
| 10          | Tin học              | 3             | 1         | 2         | 5          |
| <b>Tổng</b> |                      | <b>10</b>     | <b>30</b> | <b>70</b> | <b>102</b> |

Tổng số: 212 giải





## THỐNG KÊ KẾT QUẢ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 NĂM HỌC 2025 - 2026

| STT         | MÔN                  | Số TS dự thi | Số đạt giải | Tỉ lệ đạt giải | Giải Nhất |             | Giải Nhì  |              | Giải Ba   |              | Giải Khuyến Khích |              |
|-------------|----------------------|--------------|-------------|----------------|-----------|-------------|-----------|--------------|-----------|--------------|-------------------|--------------|
| 1           | Toán                 | 41           | 27          | 65.9%          |           | 0.0%        | 3         | 11.1%        | 13        | 48.1%        | 11                | 40.7%        |
| 2           | Ngữ văn              | 62           | 46          | 74.2%          |           | 0.0%        | 4         | 8.7%         | 12        | 26.1%        | 30                | 65.2%        |
| 3           | Tiếng Anh            | 61           | 50          | 82.0%          | 2         | 4.0%        | 12        | 24.0%        | 23        | 46.0%        | 13                | 26.0%        |
| 4           | Địa                  | 29           | 18          | 62.1%          |           | 0.0%        | 2         | 11.1%        | 5         | 27.8%        | 11                | 61.1%        |
| 5           | Lịch sử              | 25           | 13          | 52.0%          | 2         | 15.4%       | 4         | 30.8%        | 2         | 15.4%        | 5                 | 38.5%        |
| 6           | GDCD                 | 46           | 22          | 47.8%          |           | 0.0%        |           | 0.0%         | 7         | 31.8%        | 15                | 68.2%        |
| 7           | KHTN (Vật sống)      | 25           | 10          | 40.0%          |           | 0.0%        | 1         | 10.0%        | 2         | 20.0%        | 7                 | 70.0%        |
| 8           | KHTN (Biến đổi chất) | 21           | 5           | 23.8%          |           | 0.0%        | 1         | 20.0%        | 2         | 40.0%        | 2                 | 40.0%        |
| 9           | KHTN (Biến đổi NL)   | 21           | 10          | 47.6%          | 3         | 30.0%       | 2         | 20.0%        | 2         | 20.0%        | 3                 | 30.0%        |
| 10          | Tin học              | 14           | 11          | 78.6%          | 3         | 27.3%       | 1         | 9.1%         | 2         | 18.2%        | 5                 | 45.5%        |
| <b>Tổng</b> |                      | <b>345</b>   | <b>212</b>  | <b>61.4%</b>   | <b>10</b> | <b>4.7%</b> | <b>30</b> | <b>14.2%</b> | <b>70</b> | <b>33.0%</b> | <b>102</b>        | <b>48.1%</b> |



# KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026

## MÔN: TOÁN 9

(Kèm theo Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND phường Thanh Liệt

| STT | SBD  | Họ và tên              | Ngày sinh  | Lớp | Trường THCS    | Điểm  | Xếp giải |
|-----|------|------------------------|------------|-----|----------------|-------|----------|
| 1   | A71  | Nguyễn Lê Hương Giang  | 06/12/2011 | 9B3 | Chu Văn An     | 15.75 | Nhì      |
| 2   | A70  | Trần Minh Quang        | 11/01/2011 | 9C1 | Chu Văn An     | 14.25 | Nhì      |
| 3   | A86  | Vũ Quang Anh           | 19/07/2012 | 8A0 | Nguyễn Lân     | 14.00 | Nhì      |
| 4   | A75  | Vũ Minh Hưng           | 03/06/2011 | 9A3 | Tân Triều      | 13.75 | Ba       |
| 5   | A101 | Hoàng Thuỳ Dương       | 23/02/2011 | 9A2 | Thanh Xuân Nam | 13.50 | Ba       |
| 6   | A77  | Nguyễn Minh Diễm       | 30/12/2011 | 9A1 | Tân Triều      | 13.25 | Ba       |
| 7   | A87  | Nguyễn Duy Hưng        | 13/06/2011 | 9A0 | Nguyễn Lân     | 13.25 | Ba       |
| 8   | A88  | Lê Anh Khoa            | 25/04/2011 | 9A0 | Nguyễn Lân     | 13.25 | Ba       |
| 9   | A66  | Vũ Bảo Nguyên          | 02/02/2011 | 9A1 | Chu Văn An     | 13.00 | Ba       |
| 10  | A80  | Trần Gia Huy           | 03/06/2011 | 9A1 | Tân Triều      | 13.00 | Ba       |
| 11  | A79  | Đàm Thanh Hải          | 04/03/2011 | 9A1 | Tân Triều      | 12.75 | Ba       |
| 12  | A64  | Nguyễn Thành Long      | 08/10/2011 | 9A1 | Chu Văn An     | 12.25 | Ba       |
| 13  | A69  | Vũ Ngọc Minh           | 01/06/2011 | 9C1 | Chu Văn An     | 12.00 | Ba       |
| 14  | A73  | Nguyễn An              | 16/07/2011 | 9C1 | Chu Văn An     | 12.00 | Ba       |
| 15  | A78  | Triệu Khánh Duy        | 20/06/2011 | 9A1 | Tân Triều      | 12.00 | Ba       |
| 16  | A97  | Trần Minh Khang        | 21/06/2011 | 9A1 | Thanh Xuân Nam | 12.00 | Ba       |
| 17  | A72  | Nguyễn Đình Gia Huy    | 18/09/2011 | 9B4 | Chu Văn An     | 11.75 | KK       |
| 18  | A76  | Ngô Gia Bảo            | 24/04/2011 | 9A1 | Tân Triều      | 11.50 | KK       |
| 19  | A91  | Nguyễn Sơn Tùng        | 11/01/2011 | 9A1 | Nguyễn Lân     | 11.50 | KK       |
| 20  | A68  | Nguyễn Bá Phong        | 14/02/2011 | 9A3 | Chu Văn An     | 11.00 | KK       |
| 21  | A85  | Nguyễn Thúy Hồng Ngọc  | 29/10/2011 | 9A2 | Tân Triều      | 11.00 | KK       |
| 22  | A81  | Giang Minh Quang       | 06/09/2011 | 9A1 | Tân Triều      | 10.50 | KK       |
| 23  | A98  | Phạm Quang Minh        | 27/08/2011 | 9A1 | Thanh Xuân Nam | 10.50 | KK       |
| 24  | A92  | Trần Minh Trí          | 28/07/2011 | 9A2 | Nguyễn Lân     | 10.25 | KK       |
| 25  | A95  | Mai Như Bình           | 24/08/2011 | 9A1 | Thanh Xuân Nam | 10.25 | KK       |
| 26  | A67  | Nguyễn Lương Khánh Nhi | 19/03/2011 | 9A1 | Chu Văn An     | 10.00 | KK       |
| 27  | A74  | Phạm Huy Hoàng         | 05/07/2011 | 9B4 | Chu Văn An     | 10.00 | KK       |
| 28  | A103 | Nguyễn Võ Duy Khang    | 15/10/2011 | 9A5 | Thanh Xuân Nam | 9.50  |          |
| 29  | A83  | Triệu Minh Đức         | 02/03/2011 | 9A2 | Tân Triều      | 9.25  |          |
| 30  | A90  | Kiều Võ Huy Hoàng      | 16/04/2011 | 9A1 | Nguyễn Lân     | 9.00  |          |
| 31  | A104 | Bùi Trung Hiếu         | 03/01/2012 | 8A4 | Thanh Xuân Nam | 8.50  |          |



|    |      |             |       |            |     |                |      |  |
|----|------|-------------|-------|------------|-----|----------------|------|--|
| 32 | A89  | Bùi Đức Anh | Khôi  | 25/03/2011 | 9A0 | Nguyễn Lâm     | 8.00 |  |
| 33 | A96  | Lê Đức      | Hưng  | 23/05/2011 | 9A1 | Thanh Xuân Nam | 7.50 |  |
| 34 | A65  | Phùng Duy   | Thái  | 04/07/2011 | 9A1 | Chu Văn An     | 7.00 |  |
| 35 | A94  | Nguyễn Anh  | Tuấn  | 13/05/2011 | 9A0 | Thanh Xuân Nam | 7.00 |  |
| 36 | A93  | Phạm Chân   | Phong | 21/07/2011 | 9A0 | Thanh Xuân Nam | 6.00 |  |
| 37 | A99  | Trần Tuấn   | Anh   | 15/12/2011 | 9A2 | Thanh Xuân Nam | 6.00 |  |
| 38 | A84  | Cao Anh     | Kiên  | 13/01/2011 | 9A2 | Tân Triều      | 5.75 |  |
| 39 | A102 | Đặng Hoài   | Anh   | 10/12/2011 | 9A5 | Thanh Xuân Nam | 5.50 |  |
| 40 | A100 | Dương Minh  | Anh   | 22/05/2011 | 9A2 | Thanh Xuân Nam | 4.75 |  |
| 41 | A82  | Nguyễn Đức  | Thành | 21/02/2011 | 9A1 | Tân Triều      | 3.50 |  |





# KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026

## MÔN: NGỮ VĂN

(Kèm theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND phường Thanh Liet

| STT | SBD | Họ và tên             | Ngày sinh  | Lớp  | Trường THCS       | Điểm  | Xếp giải |
|-----|-----|-----------------------|------------|------|-------------------|-------|----------|
| 1   | A15 | Trương Đỗ Ngân Hà     | 24/10/2011 | 9A1  | Tân Triều         | 15.50 | Nhì      |
| 2   | A23 | Phạm Tuệ Minh         | 27/05/2011 | 9A2  | Tân Triều         | 14.50 | Nhì      |
| 3   | A27 | Phạm Linh Giang       | 08/05/2011 | 9A2  | Tân Triều         | 14.50 | Nhì      |
| 4   | A18 | Nguyễn Bảo Phương     | 27/10/2011 |      | Tân Triều         | 14.00 | Nhì      |
| 5   | A13 | Chu Thị Khánh Linh    | 11/03/2011 | 9A3  | Tân Triều         | 13.50 | Ba       |
| 6   | A01 | Phạm Lê Phương Thảo   | 02/09/2011 | 9A1  | Chu Văn An        | 13.00 | Ba       |
| 7   | A49 | Cù Hoàng Quyên        | 15/01/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam    | 13.00 | Ba       |
| 8   | A58 | Vũ Nguyên Hà          | 07/12/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam    | 13.00 | Ba       |
| 9   | A60 | Hoàng Minh Châu       | 09/07/2011 | 9V1  | Vietchool Pandora | 13.00 | Ba       |
| 10  | A17 | Vũ Nguyễn Bình Nhi    | 19/05/2011 | 9A1  | Tân Triều         | 12.50 | Ba       |
| 11  | A51 | Bùi Thùy Dương        | 13/02/2011 | 9A4  | Thanh Xuân Nam    | 12.50 | Ba       |
| 12  | A53 | Nghiêm Hà Linh        | 15/10/2012 | 8TA1 | Thanh Xuân Nam    | 12.50 | Ba       |
| 13  | A02 | Phạm Minh Hà          | 04/04/2011 | 9A3  | Chu Văn An        | 12.00 | Ba       |
| 14  | A14 | Lê Hương Giang        | 01/01/2011 | 9A1  | Tân Triều         | 12.00 | Ba       |
| 15  | A16 | Lương Thị Thanh Mai   | 24/02/2011 | 9A1  | Tân Triều         | 12.00 | Ba       |
| 16  | A62 | Lê Hải Yến            | 15/10/2011 | 9V1  | Vietchool Pandora | 12.00 | Ba       |
| 17  | A03 | Nguyễn Ngọc Cẩm       | 12/01/2011 | 9B1  | Chu Văn An        | 11.50 | KK       |
| 18  | A61 | Đoàn Vũ Thảo Tâm      | 10/02/2011 | 9V1  | Vietchool Pandora | 11.50 | KK       |
| 19  | A05 | Đỗ Khánh Chi          | 08/12/2011 | 9C1  | Chu Văn An        | 11.00 | KK       |
| 20  | A07 | Ngô Ngọc Diệp         | 21/11/2011 | 9C1  | Chu Văn An        | 11.00 | KK       |
| 21  | A08 | Nguyễn Văn Khánh      | 23/05/2011 | 9C1  | Chu Văn An        | 11.00 | KK       |
| 22  | A10 | Hoàng Thái An         | 05/05/2011 | 9A3  | Tân Triều         | 11.00 | KK       |
| 23  | A19 | Đào Minh Quang        | 02/06/2011 | 9A1  | Tân Triều         | 11.00 | KK       |
| 24  | A31 | Lê Bảo Ngọc           | 18/07/2012 | 8A3  | Nguyễn Lâm        | 11.00 | KK       |
| 25  | A34 | Nguyễn Hà Phương Thảo | 05/09/2011 | 9A0  | Nguyễn Lâm        | 11.00 | KK       |
| 26  | A39 | Đặng Khánh An         | 24/11/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam    | 11.00 | KK       |
| 27  | A41 | Nguyễn Thùy Dương     | 29/09/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam    | 11.00 | KK       |
| 28  | A54 | Đỗ Lan Anh            | 06/07/2012 | 8A3  | Thanh Xuân Nam    | 11.00 | KK       |
| 29  | A59 | Phạm Phương Vy        | 20/05/2012 | 8TA0 | Thanh Xuân Nam    | 11.00 | KK       |
| 30  | A09 | Nguyễn Minh Tố Tâm    | 30/12/2011 | 9C1  | Chu Văn An        | 10.75 | KK       |
| 31  | A04 | Đỗ Ngân Giang         | 12/04/2011 | 9B1  | Chu Văn An        | 10.50 | KK       |
| 32  | A12 | Hoàng Mai Trang       | 02/05/2011 | 9A3  | Tân Triều         | 10.50 | KK       |
| 33  | A20 | Nguyễn Thùy Tiên      | 18/06/2011 | 9A1  | Tân Triều         | 10.50 | KK       |
| 34  | A25 | Lê Hà Phương          | 20/05/2011 | 9A2  | Tân Triều         | 10.50 | KK       |





|    |     |                 |        |            |      |                   |       |    |
|----|-----|-----------------|--------|------------|------|-------------------|-------|----|
| 35 | A35 | Bùi Thị Thu     | Minh   | 10/08/2011 | 9A2  | Nguyễn Lâm        | 10.50 | KK |
| 36 | A36 | Nguyễn Quỳnh    | Chi    | 30/06/2011 | 9A0  | Thanh Xuân Nam    | 10.50 | KK |
| 37 | A46 | Trần Thanh      | Thảo   | 26/11/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam    | 10.50 | KK |
| 38 | A52 | Tăng Vũ Diệp    | Anh    | 02/08/2012 | 8TA1 | Thanh Xuân Nam    | 10.50 | KK |
| 39 | A57 | Mai Bảo         | Khánh  | 27/02/2012 | 8TA1 | Thanh Xuân Nam    | 10.50 | KK |
| 40 | A21 | Triệu Vi        | Vi     | 11/02/2011 | 9A1  | Tân Triều         | 10.25 | KK |
| 41 | A06 | Nguyễn Khánh    | Chi    | 09/07/2011 | 9C1  | Chu Văn An        | 10.00 | KK |
| 42 | A11 | Nguyễn Diệu     | An     | 30/10/2011 | 9A3  | Tân Triều         | 10.00 | KK |
| 43 | A33 | Hoàng Hương     | Giang  | 05/08/2011 | 9A0  | Nguyễn Lâm        | 10.00 | KK |
| 44 | A45 | Nguyễn Bình     | Nguyên | 07/03/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam    | 10.00 | KK |
| 45 | A50 | Bùi Thùy        | Chi    | 13/02/2011 | 9A4  | Thanh Xuân Nam    | 10.00 | KK |
| 46 | A55 | Lê Minh         | Thư    | 15/12/2012 | 8A3  | Thanh Xuân Nam    | 10.00 | KK |
| 47 | A24 | Giang Hà        | My     | 12/01/2011 | 9A2  | Tân Triều         | 9.00  |    |
| 48 | A43 | Nguyễn Hoàng    | Linh   | 24/07/2012 | 8TA1 | Thanh Xuân Nam    | 8.75  |    |
| 49 | A48 | Nguyễn Vũ Trúc  | Linh   | 13/12/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam    | 8.75  |    |
| 50 | A28 | Nguyễn Minh     | Ngọc   | 27/11/2011 | 9A1  | Nguyễn Lâm        | 8.50  |    |
| 51 | A30 | Chu Minh        | Anh    | 29/03/2011 | 9A1  | Nguyễn Lâm        | 8.50  |    |
| 52 | A32 | Quách Ngọc      | Châu   | 20/10/2012 | 8A2  | Nguyễn Lâm        | 8.50  |    |
| 53 | A38 | Mai Hà          | Lâm    | 16/06/2011 | 9A0  | Thanh Xuân Nam    | 8.50  |    |
| 54 | A40 | Bùi Ngọc        | Diệp   | 30/07/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam    | 8.50  |    |
| 55 | A44 | Ngô Nguyên      | Khanh  | 19/08/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam    | 8.50  |    |
| 56 | A47 | Vương Ngọc      | Mai    | 15/11/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam    | 8.50  |    |
| 57 | A56 | Phan Thanh      | Vân    | 22/07/2012 | 8TA1 | Thanh Xuân Nam    | 8.50  |    |
| 58 | A63 | Nguyễn Ngọc Bảo | An     | 24/6/2011  | 9V1  | Vietchool Pandora | 8.50  |    |
| 59 | A22 | Phạm Bảo        | Chi    | 29/03/2011 | 9A2  | Tân Triều         | 8.25  |    |
| 60 | A29 | Triệu Quang     | Trí    | 06/12/2011 | 9A1  | Nguyễn Lâm        | 8.25  |    |
| 61 | A26 | Hoàng Thục      | Anh    | 24/05/2011 | 9A2  | Tân Triều         | 8.00  |    |
| 62 | A37 | Nguyễn Thị Thái | Hà     | 21/07/2011 | 9A0  | Thanh Xuân Nam    | 8.00  |    |



# KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026

## MÔN: TIẾNG ANH

(Kèm theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND phường Thanh Liệt

| STT | SBD  | Họ và tên              | Ngày sinh  | Lớp  | Trường THCS       | Thang điểm 100 | Thang điểm 20 | Xếp giải |
|-----|------|------------------------|------------|------|-------------------|----------------|---------------|----------|
| 1   | A329 | Tạ Trần Nhật Minh      | 29/01/2011 | 9V1  | Vietchool Pandora | 82.00          | 16.40         | Nhất     |
| 2   | A301 | Bùi Minh Đức           | 15/01/2011 | 9A1  | Nguyễn Lâm        | 80.00          | 16.00         | Nhất     |
| 3   | A322 | Lê Hoàng Vũ            | 03/06/2012 | 8TA0 | Thanh Xuân Nam    | 79.00          | 15.80         | Nhì      |
| 4   | A307 | Nguyễn Trần Hoàng Minh | 17/04/2012 | 8TA3 | Thanh Xuân Nam    | 79.00          | 15.80         | Nhì      |
| 5   | A285 | Hà Đức Huy             | 16/09/2011 | 9C1  | Chu Văn An        | 78.00          | 15.60         | Nhì      |
| 6   | A313 | Vũ Minh Hải            | 18/10/2011 | 9A2  | Thanh Xuân Nam    | 77.00          | 15.40         | Nhì      |
| 7   | A308 | Vũ Gia Khánh           | 14/04/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam    | 75.00          | 15.00         | Nhì      |
| 8   | A319 | Vũ Hải Phong           | 22/05/2012 | 8TA0 | Thanh Xuân Nam    | 72.00          | 14.40         | Nhì      |
| 9   | A332 | Lê Phương Tuệ Mỹ       | 26/01/2011 | 9V1  | Vietchool Pandora | 72.00          | 14.40         | Nhì      |
| 10  | A279 | Phạm Phương Anh        | 14/12/2011 | 9B1  | Chu Văn An        | 71.00          | 14.20         | Nhì      |
| 11  | A294 | Trương Khánh Chi       | 17/06/2011 | 9A1  | Tân Triều         | 71.00          | 14.20         | Nhì      |
| 12  | A309 | Nguyễn Trọng Khoa      | 17/04/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam    | 71.00          | 14.20         | Nhì      |
| 13  | A311 | Đào Quang Thắng        | 16/02/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam    | 71.00          | 14.20         | Nhì      |
| 14  | A334 | Lưu Ngọc Hoàng Nhi     | 06/04/2011 | 9V1  | Vietchool Pandora | 70.00          | 14.00         | Nhì      |
| 15  | A293 | Nguyễn Thị Thảo Nhi    | 16/02/2011 | 9A1  | Tân Triều         | 69.00          | 13.80         | Ba       |
| 16  | A310 | Hà Ngọc Khánh Linh     | 14/03/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam    | 69.00          | 13.80         | Ba       |
| 17  | A314 | Triệu Quang Minh       | 18/06/2011 | 9A2  | Thanh Xuân Nam    | 69.00          | 13.80         | Ba       |
| 18  | A331 | Trần Quang Anh         | 31/8/2011  | 9V1  | Vietchool Pandora | 69.00          | 13.80         | Ba       |
| 19  | A292 | Phạm Huyền Trang       | 13/06/2011 | 9A1  | Tân Triều         | 68.00          | 13.60         | Ba       |
| 20  | A327 | Trần Vũ Gia Hân        | 21/10/2012 | 8TA2 | Thanh Xuân Nam    | 68.00          | 13.60         | Ba       |
| 21  | A280 | Chu Thảo Nguyên        | 25/05/2011 | 9B1  | Chu Văn An        | 67.00          | 13.40         | Ba       |
| 22  | A297 | Vũ Tuấn Minh           | 31/05/2011 | 9A2  | Tân Triều         | 67.00          | 13.40         | Ba       |
| 23  | A317 | Nhâm Vũ Khanh          | 14/12/2012 | 8TA0 | Thanh Xuân Nam    | 67.00          | 13.40         | Ba       |
| 24  | A298 | Hà Thị Thu Hải         | 03/02/2011 | 9A2  | Tân Triều         | 64.00          | 12.80         | Ba       |
| 25  | A333 | Nguyễn Thị Hạ Thảo     | 17/11/2011 | 9V1  | Vietchool Pandora | 64.00          | 12.80         | Ba       |
| 26  | A277 | Vũ Nhật Minh           | 22/01/2011 | 9A1  | Chu Văn An        | 63.00          | 12.60         | Ba       |
| 27  | A302 | Nguyễn Duy Khánh       | 25/11/2011 | 9A0  | Nguyễn Lâm        | 63.00          | 12.60         | Ba       |
| 28  | A315 | Nguyễn Thục Uyên       | 11/11/2011 | 9A5  | Thanh Xuân Nam    | 63.00          | 12.60         | Ba       |



|    |      |                  |          |            |      |                   |       |       |    |
|----|------|------------------|----------|------------|------|-------------------|-------|-------|----|
| 29 | A276 | Phạm Lê          | Minh     | 17/04/2011 | 9A1  | Chu Văn An        | 62.00 | 12.40 | Ba |
| 30 | A284 | Trần Ngọc Bảo    | Châu     | 16/10/2011 | 9C1  | Chu Văn An        | 62.00 | 12.40 | Ba |
| 31 | A330 | Song             | Jennifer | 26/4/2011  | 9V1  | Vietchool Pandora | 62.00 | 12.40 | Ba |
| 32 | A296 | Nguyễn Ngọc Gia  | Mỹ       | 07/02/2011 | 9A2  | Tân Triều         | 61.00 | 12.20 | Ba |
| 33 | A303 | Lê Diệp          | An       | 01/12/2011 | 9A0  | Nguyễn Lâm        | 61.00 | 12.20 | Ba |
| 34 | A320 | Đặng Nam         | Phong    | 22/06/2012 | 8TA0 | Thanh Xuân Nam    | 61.00 | 12.20 | Ba |
| 35 | A305 | Đỗ Minh          | Quân     | 01/02/2011 | 9A0  | Nguyễn Lâm        | 60.00 | 12.00 | Ba |
| 36 | A307 | Nguyễn Hà        | Giang    | 02/12/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam    | 60.00 | 12.00 | Ba |
| 37 | A312 | Trần Gia         | Khiêm    | 23/02/2011 | 9A2  | Thanh Xuân Nam    | 60.00 | 12.00 | Ba |
| 38 | A324 | Nguyễn Hoàng     | Hải      | 19/04/2012 | 8TA3 | Thanh Xuân Nam    | 58.00 | 11.60 | KK |
| 39 | A306 | Nguyễn Văn       | An       | 26/05/2011 | 9A0  | Nguyễn Lâm        | 57.00 | 11.40 | KK |
| 40 | A318 | Lê Bách          | Nguyên   | 02/08/2012 | 8TA0 | Thanh Xuân Nam    | 57.00 | 11.40 | KK |
| 41 | A282 | Nguyễn Thúy      | An       | 17/01/2011 | 9B4  | Chu Văn An        | 56.00 | 11.20 | KK |
| 42 | A286 | Nguyễn Vân       | Khánh    | 03/08/2011 | 9C1  | Chu Văn An        | 56.00 | 11.20 | KK |
| 43 | A300 | Nguyễn Thảo      | Vi       | 19/12/2011 | 9A1  | Nguyễn Lâm        | 56.00 | 11.20 | KK |
| 44 | A287 | Nguyễn Phạm Cát  | Thảo     | 15/02/2011 | 9C1  | Chu Văn An        | 55.00 | 11.00 | KK |
| 45 | A281 | Lê An            | Bình     | 17/05/2011 | 9B3  | Chu Văn An        | 54.00 | 10.80 | KK |
| 46 | A283 | Nguyễn Hoàng     | Bách     | 10/08/2011 | 9C1  | Chu Văn An        | 54.00 | 10.80 | KK |
| 47 | A288 | Nguyễn Mai       | Vân      | 19/05/2011 | 9C1  | Chu Văn An        | 53.00 | 10.60 | KK |
| 48 | A335 | Trần Đăng        | Khoa     | 04/09/2011 | 9V1  | Vietchool Pandora | 53.00 | 10.60 | KK |
| 49 | A304 | Phùng Khánh      | Linh     | 06/07/2011 | 9A0  | Nguyễn Lâm        | 52.00 | 10.40 | KK |
| 50 | A328 | Nguyễn Thọ Hoàng | Bách     | 26/12/2012 | 8TA2 | Thanh Xuân Nam    | 51.00 | 10.20 | KK |
| 51 | A291 | Hồ Uyển          | Vy       | 17/06/2011 | 9A1  | Tân Triều         | 49.00 | 9.80  |    |
| 52 | A325 | Triệu Khánh      | An       | 10/03/2012 | 8A3  | Thanh Xuân Nam    | 47.00 | 9.40  |    |
| 53 | A290 | Vũ Thị Thanh     | Trúc     | 19/09/2011 | 9C1  | Chu Văn An        | 45.00 | 9.00  |    |
| 54 | A289 | Trần Nhị         | Hà       | 20/09/2011 | 9C1  | Chu Văn An        | 43.00 | 8.60  |    |
| 55 | A295 | Ngô Minh         | Châu     | 19/02/2011 | 9A3  | Tân Triều         | 43.00 | 8.60  |    |
| 56 | A278 | Lại Phương       | Thảo     | 04/09/2011 | 9A1  | Chu Văn An        | 42.00 | 8.40  |    |
| 57 | A316 | Nguyễn Ngọc Ngân | An       | 20/7/2012  | 8TA0 | Thanh Xuân Nam    | 42.00 | 8.40  |    |
| 58 | A299 | Hoàng Minh       | Thư      | 11/10/2011 | 9A2  | Tân Triều         | 39.00 | 7.80  |    |
| 59 | A323 | Nguyễn Phương    | Thảo     | 23/5/2012  | 8TA1 | Thanh Xuân Nam    | 38.00 | 7.60  |    |
| 60 | A321 | Phạm Chí         | Thành    | 28/2/2012  | 8TA0 | Thanh Xuân Nam    | 32.00 | 6.40  |    |
| 61 | A326 | Nguyễn Doanh     | Doanh    | 15/06/2012 | 8A3  | Thanh Xuân Nam    | 22.00 | 4.40  |    |



**KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ - PHÂN MÔN ĐỊA LÝ 9**

*(Kèm theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND phường Thanh Liet*

| STT | SBD  | Họ và tên             | Ngày sinh  | Lớp | Trường THCS    | Điểm  | Xếp giải |
|-----|------|-----------------------|------------|-----|----------------|-------|----------|
| 1   | A128 | Nguyễn Đỗ Khánh Linh  | 22/11/2011 | 9A1 | Chu Văn An     | 15.00 | Nhì      |
| 2   | A110 | Ngô Vũ Hà Anh         | 31/03/2011 | 9A2 | Chu Văn An     | 14.75 | Nhì      |
| 3   | A121 | Nguyễn Phạm Minh Long | 01/11/2011 | 9A4 | Thanh Xuân Nam | 13.25 | Ba       |
| 4   | A114 | Dương Bách Diệp       | 01/08/2011 | 9A1 | Tân Triều      | 12.50 | Ba       |
| 5   | A125 | Đặng Quế Anh          | 29/03/2011 | 9C1 | Chu Văn An     | 12.50 | Ba       |
| 6   | A116 | Phạm Anh Tuấn         | 25/04/2011 | 9C1 | Chu Văn An     | 12.00 | Ba       |
| 7   | A133 | Triệu Anh Hoa         | 31/08/2011 | 9A2 | Tân Triều      | 12.00 | Ba       |
| 8   | A122 | Trần Cao Ngọc Minh    | 29/10/2011 | 9C1 | Chu Văn An     | 11.75 | KK       |
| 9   | A129 | Trần Trúc Quỳnh       | 20/06/2011 | 9A1 | Tân Triều      | 11.75 | KK       |
| 10  | A108 | Đoàn Việt Anh         | 05/12/2012 | 8A1 | Tân Triều      | 11.00 | KK       |
| 11  | A117 | Nguyễn Linh Đan       | 13/11/2011 | 9A1 | Tân Triều      | 11.00 | KK       |
| 12  | A105 | Lê Đức Thành          | 23/03/2011 | 9A2 | Chu Văn An     | 10.75 | KK       |
| 13  | A124 | Lê Hồng Phúc          | 12/03/2011 | 9A4 | Thanh Xuân Nam | 10.75 | KK       |
| 14  | A132 | Triệu Văn Hiến        | 30/01/2011 | 9A5 | Thanh Xuân Nam | 10.75 | KK       |
| 15  | A107 | Mạc Văn Khánh         | 29/07/2011 | 9A0 | Nguyễn Lâm     | 10.25 | KK       |
| 16  | A111 | Lê Khánh Chi          | 11/11/2011 | 9A1 | Tân Triều      | 10.00 | KK       |
| 17  | A118 | Lưu Gia Huy           | 01/08/2011 | 9A4 | Thanh Xuân Nam | 10.00 | KK       |
| 18  | A123 | Trần Đức Tài          | 17/09/2011 | 9A1 | Tân Triều      | 10.00 | KK       |
| 19  | A131 | Nguyễn Hưng Bách      | 24/03/2011 | 9A2 | Tân Triều      | 9.50  |          |
| 20  | A127 | Lâm Thanh Sơn         | 25/03/2011 | 9A4 | Thanh Xuân Nam | 9.25  |          |
| 21  | A120 | Nguyễn Yên Nhi        | 09/10/2011 | 9A1 | Tân Triều      | 9.00  |          |
| 22  | A115 | Đoàn Duy An           | 27/12/2011 | 9A4 | Thanh Xuân Nam | 8.50  |          |
| 23  | A130 | Triệu Đình Thảo       | 15/01/2011 | 9A4 | Thanh Xuân Nam | 8.50  |          |
| 24  | A112 | Nguyễn Nhã Linh       | 28/07/2011 | 9A1 | Thanh Xuân Nam | 8.00  |          |
| 25  | A119 | Nguyễn Chi Mai        | 16/06/2011 | 9C1 | Chu Văn An     | 8.00  |          |
| 26  | A113 | Đỗ Bảo Hân            | 02/01/2011 | 9A2 | Chu Văn An     | 6.50  |          |
| 27  | A109 | Nguyễn Phạm Linh Chi  | 26/01/2011 | 9A1 | Thanh Xuân Nam | 6.25  |          |
| 28  | A126 | Vũ Hà Anh             | 14/01/2011 | 9A1 | Tân Triều      | 6.25  |          |
| 29  | A106 | Nguyễn Ngọc Anh       | 26/10/2011 | 9A1 | Tân Triều      | 3.50  |          |





**KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ - PHÂN MÔN LỊCH SỬ**

*(Kèm theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND phường Thanh Liệt*

| STT | SBD  | Họ và tên               | Ngày sinh  | Lớp  | Trường THCS    | Điểm  | Xếp giải |
|-----|------|-------------------------|------------|------|----------------|-------|----------|
| 1   | A137 | Lâm Triệu Hà Vy         | 16/08/2011 | 9A2  | Tân Triều      | 17.50 | Nhất     |
| 2   | A142 | Đặng Tú Quỳnh           | 24/04/2011 | 9B1  | Chu Văn An     | 17.00 | Nhất     |
| 3   | A139 | Vũ Ngọc Diệp            | 24/02/2011 | 9B1  | Chu Văn An     | 14.25 | Nhì      |
| 4   | A141 | Nguyễn Quang Lâm        | 15/04/2011 | 9A0  | Nguyễn Lâm     | 14.25 | Nhì      |
| 5   | A144 | Nguyễn Ngọc Trâm        | 13/01/2011 | 9A0  | Nguyễn Lâm     | 14.25 | Nhì      |
| 6   | A145 | Nguyễn Thị Thương       | 26/11/2011 | 9A4  | Chu Văn An     | 14.00 | Nhì      |
| 7   | A138 | Phạm Kiến Quốc          | 30/07/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam | 13.50 | Ba       |
| 8   | A156 | Văn Hà Vi               | 01/08/2012 | 8TA1 | Thanh Xuân Nam | 12.50 | Ba       |
| 9   | A135 | Trần Thế Anh            | 20/12/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam | 11.75 | KK       |
| 10  | A147 | Trần Phúc Lâm           | 24/12/2011 | 9C1  | Chu Văn An     | 11.50 | KK       |
| 11  | A134 | Nguyễn Hà Anh           | 11/07/2011 | 9B1  | Chu Văn An     | 11.00 | KK       |
| 12  | A136 | Nguyễn Hà Ngọc Anh      | 10/03/2011 | 9B1  | Chu Văn An     | 10.00 | KK       |
| 13  | A149 | Nguyễn Thị Mai Hương    | 01/12/2011 | 9C1  | Chu Văn An     | 10.00 | KK       |
| 14  | A159 | Trần Minh Hoà           | 01/04/2011 | 9A4  | Chu Văn An     | 9.00  |          |
| 15  | A140 | Lê Hà Anh               | 06/01/2011 | 9A2  | Thanh Xuân Nam | 8.25  |          |
| 16  | A158 | Ngô Hải Phong           | 28/09/2012 | 8A3  | Thanh Xuân Nam | 8.00  |          |
| 17  | A152 | Hán Nguyễn Hải Vân      | 31/05/2012 | 8TA1 | Thanh Xuân Nam | 7.50  |          |
| 18  | A151 | Nguyễn Thị Thuỳ Linh    | 03/01/2011 | 9C2  | Chu Văn An     | 7.25  |          |
| 19  | A153 | Dương Hà Chi            | 13/03/2011 | 9C2  | Chu Văn An     | 7.25  |          |
| 20  | A155 | Nguyễn Đình Việt Anh    | 02/11/2011 | 9C2  | Chu Văn An     | 5.75  |          |
| 21  | A146 | Nguyễn Duy Thái         | 24/01/2011 | 9A4  | Thanh Xuân Nam | 5.25  |          |
| 22  | A157 | Đỗ Ngọc Đương           | 23/06/2011 | 9C2  | Chu Văn An     | 5.00  |          |
| 23  | A148 | Nguyễn Trần Phương Ngân | 17/12/2011 | 9A2  | Tân Triều      | 4.50  |          |
| 24  | A150 | Doãn Trần Thảo Nguyên   | 07/08/2012 | 8TA1 | Thanh Xuân Nam | 4.00  |          |
| 25  | A143 | Nguyễn Hồng Hải         | 07/08/2011 | 9A3  | Thanh Xuân Nam | 0.75  |          |



**KẾT QUẢ KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN**

*(Kèm theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND phường Thanh Liet*

| STT | SBD  | Họ và tên              | Ngày sinh  | Lớp  | Trường THCS    | Điểm  | Xếp giải |
|-----|------|------------------------|------------|------|----------------|-------|----------|
| 1   | A164 | Nguyễn Khánh Linh      | 23/08/2011 | 9C2  | Chu Văn An     | 13.75 | Ba       |
| 2   | A169 | Lưu Khánh Vân          | 19/05/2011 | 9C2  | Chu Văn An     | 12.75 | Ba       |
| 3   | A161 | Nguyễn Hồng Nhung      | 15/05/2011 | 9C1  | Chu Văn An     | 12.50 | Ba       |
| 4   | A188 | Nguyễn Minh Tú         | 17/07/2011 | 9A2  | Thanh Xuân Nam | 12.50 | Ba       |
| 5   | A165 | Bùi Hùng Anh           | 02/05/2011 | 9C2  | Chu Văn An     | 12.25 | Ba       |
| 6   | A191 | Tạ Yến Vy              | 18/10/2011 | 9A2  | Thanh Xuân Nam | 12.25 | Ba       |
| 7   | A183 | Hoàng Diệu Ly          | 19/01/2011 | 9A0  | Nguyễn Lâm     | 12.00 | Ba       |
| 8   | A172 | Nguyễn Thuý Dương      | 12/11/2011 | 9B1  | Chu Văn An     | 11.75 | KK       |
| 9   | A166 | Vũ Ngọc Trâm           | 09/02/2011 | 9C2  | Chu Văn An     | 11.50 | KK       |
| 10  | A167 | Nguyễn Diệu Phương Ly  | 02/08/2011 | 9C2  | Chu Văn An     | 11.25 | KK       |
| 11  | A174 | Nguyễn Minh Anh        | 11/01/2011 | 9C2  | Chu Văn An     | 11.25 | KK       |
| 12  | A173 | Vũ Khánh Ngọc          | 09/06/2011 | 9B1  | Chu Văn An     | 11.00 | KK       |
| 13  | A199 | Vũ Ngọc Khánh An       | 21/09/2012 | 8TA0 | Thanh Xuân Nam | 11.00 | KK       |
| 14  | A171 | Hà Thu Hương           | 12/11/2011 | 9C2  | Chu Văn An     | 10.75 | KK       |
| 15  | A184 | Đỗ Phương Hiền         | 03/11/2011 | 9A3  | Nguyễn Lâm     | 10.50 | KK       |
| 16  | A186 | Phạm Bảo Ngọc          | 06/11/2011 | 9A3  | Nguyễn Lâm     | 10.50 | KK       |
| 17  | A190 | Đào Ngọc Minh Thủy     | 24/02/2011 | 9A2  | Thanh Xuân Nam | 10.50 | KK       |
| 18  | A205 | Vũ Diệu Vy             | 29/07/2012 | 8TA1 | Thanh Xuân Nam | 10.50 | KK       |
| 19  | A160 | Trần Phương Linh       | 03/01/2011 | 9A4  | Chu Văn An     | 10.00 | KK       |
| 20  | A170 | Trần Ngọc Trang Nghi   | 21/10/2011 | 9C2  | Chu Văn An     | 10.00 | KK       |
| 21  | A181 | Nguyễn Lâm Oanh        | 06/04/2011 | 9A3  | Tân Triều      | 10.00 | KK       |
| 22  | A189 | Lê Ngọc Diệp           | 18/07/2011 | 9A2  | Thanh Xuân Nam | 10.00 | KK       |
| 23  | A168 | Nguyễn Thị Khánh Huyền | 23/01/2011 | 9C2  | Chu Văn An     | 9.00  |          |
| 24  | A185 | Nguyễn Thị Minh Khuê   | 02/01/2011 | 9A3  | Nguyễn Lâm     | 8.75  |          |
| 25  | A178 | Lã Mai Phương          | 17/07/2011 | 9A2  | Tân Triều      | 8.50  |          |
| 26  | A187 | Phạm Tuấn Phong        | 18/04/2011 | 9A2  | Thanh Xuân Nam | 8.50  |          |
| 27  | A163 | Nguyễn Diệp Anh        | 07/04/2011 | 9C2  | Chu Văn An     | 8.25  |          |
| 28  | A196 | Trịnh Minh Anh         | 30/08/2012 | 8TA0 | Thanh Xuân Nam | 8.25  |          |
| 29  | A182 | Nguyễn Ngọc Anh Thúy   | 22/09/2011 | 9A1  | Tân Triều      | 8.00  |          |
| 30  | A201 | Vũ Quỳnh Trang         | 02/11/2012 | 8TA1 | Thanh Xuân Nam | 8.00  |          |



*ME*



|    |      |                 |        |            |      |                |      |  |
|----|------|-----------------|--------|------------|------|----------------|------|--|
| 31 | A202 | Hoàng Gia       | Bảo    | 02/10/2012 | 8TA1 | Thanh Xuân Nam | 8.00 |  |
| 32 | A192 | Đoàn Bảo        | Ngọc   | 30/03/2012 | 8TA0 | Thanh Xuân Nam | 7.75 |  |
| 33 | A195 | Bùi Hương Hà    | My     | 12/03/2012 | 8TA0 | Thanh Xuân Nam | 7.50 |  |
| 34 | A162 | Nguyễn Minh     | Nguyệt | 22/10/2011 | 9C1  | Chu Văn An     | 7.00 |  |
| 35 | A179 | Triệu Như       | Quỳnh  | 23/11/2011 | 9A2  | Tân Triều      | 7.00 |  |
| 36 | A193 | Phan Nguyễn Hà  | My     | 02/06/2012 | 8TA0 | Thanh Xuân Nam | 7.00 |  |
| 37 | A200 | Trịnh Mai       | Phương | 28/01/2012 | 8TA0 | Thanh Xuân Nam | 7.00 |  |
| 38 | A176 | Nguyễn Thuý     | Dương  | 30/10/2011 | 9A2  | Tân Triều      | 6.75 |  |
| 39 | A177 | Trương Thu      | Huế    | 11/07/2011 | 9A2  | Tân Triều      | 6.75 |  |
| 40 | A180 | Nguyễn Minh     | Ngọc   | 19/09/2011 | 9A4  | Tân Triều      | 6.75 |  |
| 41 | A197 | Hoàng Việt      | Cường  | 24/10/2012 | 8TA0 | Thanh Xuân Nam | 6.25 |  |
| 42 | A204 | Đỗ Hoàng        | Minh   | 22/10/2012 | 8TA1 | Thanh Xuân Nam | 6.25 |  |
| 43 | A198 | Trần Minh       | Nhật   | 15/08/2012 | 8TA0 | Thanh Xuân Nam | 5.50 |  |
| 44 | A194 | Nguyễn Hứa Minh | Huyền  | 22/11/2012 | 8TA0 | Thanh Xuân Nam | 5.25 |  |
| 45 | A203 | Ngô Chí         | Anh    | 15/06/2012 | 8TA1 | Thanh Xuân Nam | 4.25 |  |
| 46 | A175 | Trương Hà       | My     | 22/07/2011 | 9A3  | Tân Triều      | 3.75 |  |





# KẾT QUẢ KỶ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026

## MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN - MẠCH NỘI DUNG: VẬT SỐNG

(Kèm theo Quyết định số 1273 /QĐ-UBND ngày 24 / 12/2025 của UBND phường Thanh Liệt

| STT | SBD  | Họ và tên             | Ngày sinh  | Lớp | Trường THCS    | Điểm  | Xếp giải |
|-----|------|-----------------------|------------|-----|----------------|-------|----------|
| 1   | A253 | Phạm Nguyễn Ngọc Tùng | 12/10/2011 | 9A1 | Chu Văn An     | 14.30 | Nhì      |
| 2   | A259 | Phạm Bảo Hân          | 15/03/2011 | 9A2 | Chu Văn An     | 13.00 | Ba       |
| 3   | A256 | Trần Hoài An          | 23/05/2011 | 9A3 | Chu Văn An     | 12.43 | Ba       |
| 4   | A251 | Vũ Hoàng Lê           | 13/10/2011 | 9A1 | Chu Văn An     | 11.88 | KK       |
| 5   | A254 | Bùi Minh Đức          | 13/06/2011 | 9A1 | Chu Văn An     | 10.83 | KK       |
| 6   | A261 | Trần Tuệ Nhi          | 01/04/2011 | 9C2 | Chu Văn An     | 10.38 | KK       |
| 7   | A255 | Trần Hà An            | 30/07/2011 | 9A1 | Chu Văn An     | 10.13 | KK       |
| 8   | A252 | Vũ Minh Khôi          | 03/10/2011 | 9A1 | Chu Văn An     | 10.10 | KK       |
| 9   | A263 | Vũ Bảo Châu           | 29/03/2011 | 9C1 | Chu Văn An     | 10.08 | KK       |
| 10  | A258 | Trịnh Tuấn Kiệt       | 15/01/2011 | 9B1 | Chu Văn An     | 10.05 | KK       |
| 11  | A273 | Mai Phạm Ngọc Lam     | 26/07/2011 | 9A1 | Thanh Xuân Nam | 9.43  |          |
| 12  | A257 | Lê Việt Hòa           | 01/07/2011 | 9B1 | Chu Văn An     | 8.85  |          |
| 13  | A260 | Hoàng Thanh Giang     | 25/08/2011 | 9A3 | Chu Văn An     | 8.58  |          |
| 14  | A275 | Phạm Bảo Khánh        | 10/09/2011 | 9A5 | Thanh Xuân Nam | 8.53  |          |
| 15  | A267 | Nguyễn Huy Khánh      | 25/10/2011 | 9A0 | Thanh Xuân Nam | 8.08  |          |
| 16  | A266 | Nguyễn Kim Tiến Bảo   | 14/02/2011 | 9A0 | Thanh Xuân Nam | 6.52  |          |
| 17  | A268 | Đỗ Chu Bảo Ngọc       | 27/11/2011 | 9A0 | Thanh Xuân Nam | 6.50  |          |
| 18  | A265 | Vũ Hồng Minh          | 29/12/2011 | 9A2 | Tân Triều      | 6.05  |          |
| 19  | A264 | Vũ An Khôi Nguyên     | 02/04/2011 | 9A4 | Tân Triều      | 4.78  |          |
| 20  | A262 | Lê Bá Gia Khánh       | 26/02/2011 | 9C2 | Chu Văn An     | 4.28  |          |
| 21  | A274 | Nguyễn Kiều Nhi       | 30/01/2011 | 9A2 | Thanh Xuân Nam | 4.13  |          |
| 22  | A270 | Nguyễn Phương Thảo    | 23/03/2011 | 9A0 | Thanh Xuân Nam | 3.53  |          |
| 23  | A271 | Lê Quốc Triệu         | 22/06/2011 | 9A0 | Thanh Xuân Nam | 3.25  |          |
| 24  | A269 | Triệu Hải Phương      | 18/02/2011 | 9A0 | Thanh Xuân Nam | 3.10  |          |
| 25  | A272 | Giang Thanh Trúc      | 21/03/2011 | 9A0 | Thanh Xuân Nam | 1.55  |          |



# KẾT QUẢ KỶ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026

## MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN - MẠCH NỘI DUNG: CHẤT VÀ SỰ BIẾN ĐỔI CHẤT

(Kèm theo Quyết định số 4233/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND phường Thanh Liệt

| STT | SBD  | Họ và tên             | Ngày sinh  | Lớp  | Trường THCS    | Điểm  | Xếp giải |
|-----|------|-----------------------|------------|------|----------------|-------|----------|
| 1   | A246 | Đỗ Xuân Phát          | 29/09/2011 | 9A5  | Thanh Xuân Nam | 15.00 | Nhì      |
| 2   | A230 | Nguyễn Lê Ánh Dương   | 08/04/2011 | 9B1  | Chu Văn An     | 13.00 | Ba       |
| 3   | A231 | Nguyễn Trịnh Bảo Châu | 04/03/2011 | 9A1  | Chu Văn An     | 12.00 | Ba       |
| 4   | A241 | Nguyễn Ngọc Trâm Anh  | 29/07/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam | 11.75 | KK       |
| 5   | A245 | Trần Thái Hưng        | 20/03/2011 | 9A2  | Thanh Xuân Nam | 11.25 | KK       |
| 6   | A244 | Nguyễn Khánh Tùng     | 26/10/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam | 8.00  |          |
| 7   | A240 | Trần Đức Minh         | 09/09/2011 | 9A2  | Nguyễn Lâm     | 7.75  |          |
| 8   | A237 | Vũ Nam Phong          | 29/06/2011 | 9A0  | Nguyễn Lâm     | 7.50  |          |
| 9   | A236 | Hoàng Kim Ngân        | 08/08/2011 | 9A4  | Tân Triều      | 7.25  |          |
| 10  | A238 | Vũ Ngọc Bảo Chi       | 20/04/2011 | 9A0  | Nguyễn Lâm     | 7.25  |          |
| 11  | A239 | Đỗ Thanh Lâm          | 30/01/2011 | 9A1  | Nguyễn Lâm     | 7.25  |          |
| 12  | A232 | Huỳnh Khang Linh      | 06/03/2011 | 9A1  | Chu Văn An     | 7.00  |          |
| 13  | A249 | Nguyễn Hải Minh       | 12/02/2012 | 8TA1 | Thanh Xuân Nam | 7.00  |          |
| 14  | A233 | Nguyễn Mai Anh        | 24/06/2011 | 9C3  | Chu Văn An     | 6.75  |          |
| 15  | A234 | Hoàng Duy Minh Đức    | 07/08/2011 | 9C3  | Chu Văn An     | 6.75  |          |
| 16  | A235 | Trần Đăng Lộc         | 28/11/2011 | 9A2  | Chu Văn An     | 5.75  |          |
| 17  | A242 | Nguyễn Tiến Minh      | 21/10/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam | 5.75  |          |
| 18  | A250 | Nguyễn Huy Quang      | 14/10/2012 | 8TA1 | Thanh Xuân Nam | 5.75  |          |
| 19  | A247 | Vũ Thu Hà             | 16/02/2012 | 8TA1 | Thanh Xuân Nam | 5.00  |          |
| 20  | A248 | Phạm Đức Kiên         | 10/01/2012 | 8TA0 | Thanh Xuân Nam | 5.00  |          |
| 21  | A243 | Nguyễn Thị Kim Ngân   | 15/03/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam | 4.75  |          |



**KẾT QUẢ KY THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN - MẠCH NỘI DUNG: NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI NĂNG LƯỢNG**

(Kèm theo Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND phường Thanh Liet

| STT | SBD  | Họ và tên          | Ngày sinh  | Lớp  | Trường THCS    | Điểm  | Xếp giải |
|-----|------|--------------------|------------|------|----------------|-------|----------|
| 1   | A227 | Nguyễn Hoàng Nam   | 18/07/2011 | 9A5  | Thanh Xuân Nam | 17.25 | Nhất     |
| 2   | A206 | Vũ Anh Huy         | 23/06/2011 | 9B2  | Chu Văn An     | 16.00 | Nhất     |
| 3   | A208 | Hoàng Gia An       | 16/05/2011 | 9C1  | Chu Văn An     | 16.00 | Nhất     |
| 4   | A209 | Phan Minh Quang    | 08/06/2011 | 9B3  | Chu Văn An     | 14.25 | Nhì      |
| 5   | A216 | Giang Nguyên Bảo   | 17/08/2011 | 9A0  | Nguyễn Lâm     | 14.25 | Nhì      |
| 6   | A229 | Phạm Quang Anh     | 09/02/2012 | 8TA1 | Thanh Xuân Nam | 13.50 | Ba       |
| 7   | A211 | Trần Đức Anh       | 18/12/2011 | 9A2  | Chu Văn An     | 12.00 | Ba       |
| 8   | A212 | Phạm Bảo Nhật Hà   | 10/10/2012 | 8C1  | Chu Văn An     | 11.75 | KK       |
| 9   | A217 | Phạm Văn Đăng Khoa | 13/12/2011 | 9A0  | Thanh Xuân Nam | 10.50 | KK       |
| 10  | A207 | Đồng Sỹ Kiên       | 16/03/2011 | 9C1  | Chu Văn An     | 10.25 | KK       |
| 11  | A210 | Phạm Minh Khuê     | 28/01/2011 | 9A1  | Chu Văn An     | 9.25  |          |
| 12  | A214 | Nguyễn Quang Huy   | 14/12/2011 | 9A1  | Tân Triều      | 9.00  |          |
| 13  | A226 | Nguyễn Vũ Minh     | 11/10/2011 | 9A5  | Thanh Xuân Nam | 8.50  |          |
| 14  | A213 | Nguyễn Bá Bảo Tài  | 16/01/2012 | 8D1  | Chu Văn An     | 8.25  |          |
| 15  | A220 | Chu Vĩnh Huy       | 22/08/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam | 7.75  |          |
| 16  | A215 | Đặng Gia Bình      | 30/05/2011 | 9A2  | Tân Triều      | 7.50  |          |
| 17  | A225 | Cao Tường Lâm      | 03/08/2011 | 9A5  | Thanh Xuân Nam | 7.25  |          |
| 18  | A219 | Lê Quỳnh Chi       | 15/01/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam | 5.50  |          |
| 19  | A218 | Đinh Trí Anh       | 27/01/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam | 4.50  |          |
| 20  | A222 | Phí Phương Ngọc    | 19/04/2011 | 9A1  | Thanh Xuân Nam | 3.75  |          |
| 21  | A228 | Ngô Thanh Tùng     | 19/12/2011 | 9A5  | Thanh Xuân Nam | 3.25  |          |



# KẾT QUẢ KỶ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 PHƯỜNG THANH LIỆT NĂM HỌC 2025 - 2026

## MÔN: TIN HỌC

(Kèm theo Quyết định số 1273 /QĐ-UBND ngày 24 /12/2025 của UBND phường Thanh Liệt

| STT | SBD  | Họ và tên           | Ngày sinh  | Lớp  | Trường THCS    | Điểm  | Xếp giải |
|-----|------|---------------------|------------|------|----------------|-------|----------|
| 1   | A341 | Vũ Ngọc Mai Chi     | 04/06/2012 | 8A1  | Chu Văn An     | 19.00 | Nhất     |
| 3   | A345 | Đình Thanh Hải      | 12/11/2012 | 8C3  | Chu Văn An     | 18.40 | Nhất     |
| 2   | A337 | Lã Gia Vinh         | 14/03/2011 | 9C2  | Chu Văn An     | 17.60 | Nhất     |
| 11  | A346 | Nguyễn Hữu Gia Minh | 26/05/2011 | 9A1  | Tân Triều      | 14.00 | Nhì      |
| 4   | A340 | Nguyễn Trọng Tùng   | 10/06/2011 | 9C1  | Chu Văn An     | 12.80 | Ba       |
| 5   | A347 | Cao Hạo Nhiên       | 12/06/2011 | 9A4  | Tân Triều      | 12.00 | Ba       |
| 6   | A343 | Vũ Phúc Nguyên      | 09/11/2012 | 8D1  | Chu Văn An     | 11.20 | KK       |
| 7   | A338 | Trần Tiến Dũng      | 27/12/2011 | 9B1  | Chu Văn An     | 10.00 | KK       |
| 8   | A339 | Nguyễn Thiên Minh   | 05/12/2011 | 9B1  | Chu Văn An     | 10.00 | KK       |
| 9   | A342 | Chu Đức Minh        | 29/11/2012 | 8A1  | Chu Văn An     | 10.00 | KK       |
| 10  | A344 | Nguyễn Anh Dũng     | 02/03/2012 | 8C1  | Chu Văn An     | 10.00 | KK       |
| 12  | A349 | Chữ Minh Huy        | 29/12/2012 | 8TA3 | Thanh Xuân Nam | 5.00  |          |
| 13  | A350 | Phan Trường Giang   | 21/09/2012 | 8A4  | Thanh Xuân Nam | 3.00  |          |
| 14  | A348 | Phan Thiên Bảo      | 11/02/2012 | 8TA3 | Thanh Xuân Nam | 2.00  |          |